THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 773/2017/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 7 năm 2017
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Mộng Nghi.

2. Bà Lê Thị Xin.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Lâm Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1348/2016/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2016 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2017/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2017 và Thông báo số 61/2017/TB-TA ngày 15.6.2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc L - sinh năm 1985. (có mặt)
Địa chỉ: ấp P, xã S, huyện M, tỉnh Bến Tre.
Tạm trú: ấp M, xã T, huyện H, Tp.Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Lưu B - sinh năm 1981. (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp G, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
Tạm trú: ấp M, xã T, huyện H, Tp.Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18.11.2016, bản tự khai ngày 22.3.2017, biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 22.3.2017, biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 20.4.2017, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 20.4.2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc L trình bày:

Bà L và ông B tự nguyện về sống chung với nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm Sơn, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre vào ngày 29.5.2012.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát

sinh mâu thuẫn, có nhiều khác biệt trong cuộc sống, quan điểm sống khác nhau. Vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng không còn sự quan tâm lẫn nhau. Nhận thấy tình cảm gia đình đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà L và ông B có 02 con chung tên Lưu Vĩ N - sinh ngày 29.7.2012 và Lưu Cát T – sinh ngày 25.10.2013. Bà L đồng ý giao 02 con chung cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng và bà L không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 22.3.2017, biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 22.3.2017, bị đơn ông Lưu B trình bày:

Ông B và bà L tự nguyện về sống chung với nhau năm 2011, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm Sơn, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre vào ngày 29.5.2012 đúng như trình bày của bà L. Trong thời gian chung sống ông và bà L không có mâu thuẫn gì, vợ chồng chung sống hạnh phúc nên ông không đồng ý ly hôn với bà L.

Về con chung: Ông B và bà L có 02 con chung tên Lưu Vĩ N - sinh ngày 29.7.2012 và Lưu Cát T – sinh ngày 25.10.2013. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì ông B đồng ý trực tiếp 02 con chung và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổ chức hòa giải nhưng ông B và bà L không thỏa thuận được với nhau những vấn đề cần giải quyết nên vụ án được đưa ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn Nguyễn Thị Trúc L vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã nêu trên. Bị đơn Lưu B vắng mặt.

Tòa án đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và Thông báo số 61/2017/TB-TA ngày 15.6.2017 cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt tại buổi xét xử nên Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng:

Vụ án được Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn thụ lý đúng thẩm quyền; việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự tuân thủ đúng pháp luật; gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn luật định.

Phiên tòa được tiến hành đúng thời gian, địa điểm; thành phần Hội đồng xét xử đúng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Trong quá trình xét xử, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử tuân thủ đúng nguyên tắc xét xử, đảm

bảo cho các bên đương sự được phát biểu ý kiến, trình bày quan điểm và tranh luận tại phiên tòa.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư ngụ tại huyện Hóc Môn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo các quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về hôn nhân: theo Giấy chứng nhận kết hôn số 75, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã Cẩm Sơn, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cấp cho bà L và ông B xác định quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông B là hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quan hệ vợ chồng: căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của bà L tại phiên tòa thể hiện trong quá trình chung sống bà L và ông B có phát sinh mâu thuẫn, có nhiều khác biệt trong cuộc sống, quan điểm sống khác nhau, không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Ông Lưu B trình bày hôn nhân có hạnh phúc, không có mâu thuẫn, mong muốn đoàn tụ với bà L nhưng từ lúc Tòa án thụ lý vụ án sau đó tiến hành hòa giải đến nay bị đơn chưa có biện pháp nào thể hiện việc hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhằm tạo điều kiện để bà L và ông B trở về đoàn tụ với nhau nhưng ông B không đến, như vậy việc hàn gắn là không còn biện pháp; mặt khác, tại phiên tòa bà Linh vẫn có nguyện vọng được ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông B trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L đối với ông B.

Về con chung: có 02 con chung tên Lưu Vĩ N - sinh ngày 29.7.2012 và Lưu Cát T - sinh ngày 25.10.2013. Ông B yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và bà L cũng đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận của bà L, ông B như đã nêu trên là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận sự thỏa thuận này.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Nguyễn Thị Trúc L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27.02.2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Toà án.

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Trúc L và ông Lưu B.

2. Về con chung: Giao 02 con chung Lưu Vĩ N - sinh ngày 29.7.2012 và Lưu Cát T - sinh ngày 25.10.2013 cho ông Lưu B trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm ngừng việc cấp dưỡng nuôi con đối với bà Nguyễn Thị Trúc L cho đến khi có đơn yêu cầu của ông Lưu B.

Vì lợi ích của con chung, sau khi ly hôn bà L có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng bà Nguyễn Thị Trúc L chịu, được tính cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0029813 ngày 06 tháng 12 năm 2016 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng;
- VKS huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Mai